

Số: 72/2026/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 21 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 72/2026/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị **Nùng Thị H**, sinh năm 1990. Căn cước công dân số 011190001639, ngày cấp 18/7/2024, nơi cấp Bộ Công an. Địa chỉ: Bản S (nay là Bản S), xã T, tỉnh Điện Biên.

- Anh **Vũ Quốc T**, sinh năm 1983. Căn cước công dân số 011083001142, ngày cấp 19/7/2024, nơi cấp Bộ Công An. Địa chỉ: Bản S (nay là Bản S), xã T, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 7 năm 2026, người yêu cầu gồm chị Nùng Thị H và anh Vũ Quốc T đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nùng Thị H và anh Vũ Quốc T đăng ký kết hôn ngày 15/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Điện Biên), kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình

chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, đến năm 2014 giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, kinh tế trong gia đình, cũng như trong việc quan tâm, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn sự gắn bó, tin tưởng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể đoàn tụ được với nhau. Chị Nùng Thị H và anh Vũ Quốc T đều thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[2] Về con chung: Chị Nùng Thị H và anh Vũ Quốc T có 02 người con chung; cháu Vũ Gia H1, sinh ngày 23/05/2013 và cháu Vũ Gia B, sinh ngày 30/5/2019.

Anh chị thỏa thuận, giao cháu Vũ Gia B cho chị Nùng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động; giao cháu Vũ Gia H1 cho anh Vũ Quốc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Chị Nùng Thị H và anh Vũ Quốc T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nùng Thị H và anh Vũ Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nùng Thị H và anh Vũ Quốc T1 thỏa thuận chị H tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của chị Nùng Thị H và anh Vũ Quốc T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nùng Thị H và anh Vũ Quốc T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu Vũ Gia B, sinh ngày 23/05/2013 cho chị Nùng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động; Giao cháu Vũ Gia H1, sinh ngày 23/5/2013 cho anh Vũ Quốc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, trong trường

hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Chị Nùng Thị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị Nùng Thị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000002 ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Thanh Tuấn